

Sự thật là gì? - Số Một

Khuôn khổ của chân lý: Mặc khải, những điểm tương đồng tiên tri và Alpha và Omega

Jeff Pippenger

2023-08-05

Trước khi bàn đến chủ đề “sự thật là gì”, chúng tôi lưu ý rằng mình đã bắt đầu nghiên cứu này bằng ba câu đầu của chương một sách Khải Huyền, và sau đó bổ sung một bài viết về Ê-li. Một vài mục đích của các nghiên cứu này là xác định vai trò của Hoa Kỳ trong lời tiên tri, khai mở sứ điệp trong sách Khải Huyền của Đức Chúa Giê-su Christ, nhận ra vai trò của các nhà tiên tri như những biểu tượng của dân Đức Chúa Trời, và cân nhắc những hàm ý của mệnh đề “Đức Chúa Giê-su là Alpha”. Chúng tôi đã minh họa rằng ba câu đầu của sách Khải Huyền phù hợp và tương ứng với những câu cuối cùng của sách Khải Huyền, và trong cả hai phần, ở đầu và ở cuối, Đức Chúa Giê-su tự xưng là Alpha và Omega, là khởi đầu và kết thúc, là đầu tiên và cuối cùng.

Chúng tôi đã dùng một cuộc thảo luận ngắn về Êlia trong bài nghiên cứu thứ hai để chứng minh rằng những câu mở đầu của Kinh Thánh phù hợp với những câu kết thúc của cả Cựu Ước lẫn Tân Ước; hơn nữa, những câu mở đầu của Tân Ước cũng phù hợp với phần mở đầu hoặc phần kết thúc theo bất cứ cách nào bạn muốn xem xét Kinh Thánh, dù như một tổng thể hay như hai Giao Ước.

Một điểm nữa mà chúng ta đang tìm cách làm rõ là sự hiểu biết rằng Đức Chúa Trời đã hành động nhằm dần dần bày tỏ thần tánh xuyên suốt lịch sử. Vì vậy chúng ta ghi nhận rằng, khi thời gian tiến triển trong chủ đề Kinh Thánh về lịch sử giao ước, Đức Chúa Trời từng bước bày tỏ ngày càng nhiều về bản tính của Ngài qua tính biểu tượng nơi các danh xưng khác nhau của Ngài. Đức Chúa Trời Toàn Năng đã phán với Áp-ra-ham, và cũng chính Đức Chúa Trời ấy đã phán với Môi-se, nhưng báo cho Môi-se rằng từ đó trở đi Danh Ngài sẽ được biết là Giê-hô-va. Rồi khi Đấng Christ đến, Ngài tự xưng bằng một danh xưng vốn không được biết đến trong Cựu Ước, ngoại trừ một cách diễn đạt của danh xưng ấy bởi một người Ba-by-lôn trong chương ba của sách Đa-ni-ên. Không những Chúa Giê-su xác nhận rằng Ngài là Con Một của Cha, mà trong lịch sử giao ước đặc thù đó, Ngài cũng tự xưng là Con Người. Đức Chúa Trời cũng ban cho phong trào Phục Lâm theo Miller một danh xưng khi Ngài lập giao ước vào buổi khởi đầu của phong trào Phục Lâm.

"Vào lúc này, khi chúng ta đã gần đến hồi kết như vậy, liệu chúng ta sẽ trở nên giống thế gian trong thực hành đến nỗi người ta tìm kiếm vô ích để thấy dân mang danh Đức Chúa Trời chẳng? Có người nào sẽ bán những đặc điểm riêng biệt của chúng ta, với tư cách là dân được Đức Chúa Trời chọn, để đổi lấy bất cứ lợi ích nào mà thế gian có thể ban cho chẳng? Sự ưu ái của những kẻ vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời có được coi là có giá trị lớn chẳng? Những người mà Chúa đã gọi là dân Ngài há lại cho rằng có quyền lực nào cao hơn Đấng Tự Hữu Hằng Hữu vĩ đại sao? Chúng ta có cố gắng xóa nhòa những điểm tín lý đặc trưng đã làm cho chúng ta trở thành người Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy chẳng?" Evangelism, 121.

Tên gọi của người Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy là do Đức Chúa Trời ban, và Bà White thường gọi người Cơ Đốc Phục Lâm là dân được Đức Chúa Trời đặt tên. “Denominated” có nghĩa

là được đặt tên. Chỉ có hai hội thánh mà Bà White xác định là dân được Đức Chúa Trời đặt tên: Israel xưa và Israel hiện đại.

Vì vậy, khi chúng ta tiếp tục nghiên cứu sách Khải Huyền, tôi đề xuất rằng “tên mới” được bày tỏ cho những người Phi-la-đen-phi, những người cũng được tượng trưng là một trăm bốn mươi bốn nghìn, là một phần lớn của bí mật tiên tri được mở ấn ngay trước khi thời kỳ ân điển khép lại.

Kẻ nào thắng, ta sẽ làm cho người ấy trở nên trụ cột trong đền thờ của Đức Chúa Trời ta, và người sẽ chẳng còn ra ngoài nữa; ta sẽ viết trên người danh của Đức Chúa Trời ta, và tên của thành Đức Chúa Trời ta, là Giê-ru-sa-lem mới, từ trời bởi Đức Chúa Trời ta mà xuống; và ta sẽ viết trên người danh mới của ta. Ai có tai, hãy nghe điều Đức Thánh Linh phán cùng các hội thánh. Khải Huyền 3:12, 13.

Thông điệp cảnh báo cuối cùng là thông điệp của Sách Khải Huyền của Chúa Giê-su Christ, và đó là sự mặc khải về bản tánh của Ngài.

"Những người trông đợi sự đến của Chàng Rê phải nói với mọi người: 'Kìa Đức Chúa Trời của các ngươi.' Những tia sáng cuối cùng của lòng thương xót, sứ điệp về lòng thương xót cuối cùng dành cho thế gian, chính là sự bày tỏ về bản tính yêu thương của Ngài. Con cái của Đức Chúa Trời phải bày tỏ vinh hiển của Ngài. Trong chính đời sống và tính cách của mình, họ phải bày tỏ điều mà ân điển của Đức Chúa Trời đã làm cho họ." Bài Học Từ Các Dụ Ngôn của Đấng Christ, 415, 416.

Chúng ta còn nhiều điều để ghi lại về Chúa Giê-su với tư cách là Ngôi Lời, nhưng bây giờ chúng ta sẽ bàn đến từ 'sự thật'. Sự hiểu biết về 'sự thật', về chính từ 'sự thật', và cả những chữ cái được dùng để ghép thành 'một từ của sự thật' chính là sự hiểu biết về bản tính của Đấng Christ.

Bấy giờ Phi-lát nói với Ngài: Vậy, ông là vua sao? Đức Giê-su đáp: Chính ông nói rằng tôi là vua. Vì mục đích này tôi đã được sinh ra, và vì lý do này tôi đã đến thế gian, để làm chứng cho sự thật. Ai thuộc về sự thật thì nghe tiếng tôi. Phi-lát nói với Ngài: Sự thật là gì? Nói xong, ông lại đi ra với người Do Thái và bảo họ: Tôi không thấy ở người này có lỗi gì cả. Giăng 18:37–38.

Từ tiếng Hy Lạp được dịch là “sự thật” trong câu ấy bắt nguồn từ một từ tiếng Do Thái, vốn cũng là một chữ cái và thậm chí là một con số. Chữ cái đầu tiên của bảng chữ cái tiếng Do Thái là “aleph”. Thực ra, hai chữ cái đầu tiên của bảng chữ cái Do Thái là “aleph” và “beth”, và chúng rất giống với hai chữ cái đầu tiên trong tiếng Hy Lạp là alpha và beta. Kết hợp lại, chúng tạo thành gốc của từ “alphabet”. Vì vậy, từ “alpha” (từ chữ cái Do Thái aleph) được dùng như một chữ cái, một từ, một con số và cũng là một trong nhiều tên gọi của Giê-su.

Khi Phi-lát hỏi: "Lẽ thật là gì?" thì Chúa Giê-xu đã nói với ông trước đó rằng lý do Ngài "đến thế gian", và cũng là lý do Ngài "sinh ra", là để làm chứng cho "lẽ thật". Ngài còn nói rằng "ai thuộc về lẽ thật thì nghe tiếng Ngài".

Phước cho người đọc, và những ai nghe những lời của lời tiên tri này, và tuân giữ những điều đã chép trong đó; vì thì giờ đã gần. Khải Huyền 1:3.

SỰ THẬT: G225 - Từ G227; sự thật: - thật, X thực sự, sự thật, chân lý. G227 - Từ G1 (như một tiểu từ phủ định) và G2990; thật (theo nghĩa không che giấu): - thật, thật vậy, sự thật. G1; A. Có nguồn gốc tiếng Hê-bơ-rơ; chữ cái thứ nhất của bảng chữ cái: chỉ theo nghĩa bóng (từ cách dùng như chữ số) là thứ nhất. Alpha.

Chúa Giê-xu phán với người ấy: Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống; không ai đến được với Cha mà không qua Ta. Giăng 14:6.

Khi Chúa Giê-xu nói: "Ta là... lẽ thật." Ngài đang nói rằng Ngài là một chữ cái, một con số và một từ; vì chữ cái anpha, từ "anpha" và con số "anpha" đều là "lẽ thật." Trong sách Đa-ni-ên, Đấng Christ tự bày tỏ mình là "Đấng định số diệu kỳ", đó là định nghĩa của từ tiếng Hê-bơ-rơ "Palmoni", được dịch là "một vị thánh nào đó đã nói" trong Đa-ni-ên đoạn 8.

Bấy giờ tôi nghe một vị thánh nói, và một vị thánh khác nói với vị thánh đang nói: Bao lâu nữa thì khải tượng về của lễ hằng ngày và sự vi phạm gây nên cảnh hoang tàn sẽ còn kéo dài, để cả đền thánh và đạo binh đều bị giày đập? Người nói với tôi: Cho đến hai nghìn ba trăm ngày; bấy giờ đền thánh sẽ được thanh tẩy. Đa-ni-ên 8:13, 14.

“Vị thánh kia” ở câu mười ba là “Palmoni” — Đấng định số diệu kỳ, hay Đấng định số các điều kín nhiệm. Hai câu này là nơi lời tiên tri 2.300 năm và hai lời tiên tri 2.520 năm được trình bày. Lời tiên tri 2.300 năm nói về “đền thánh”, và hai lời tiên tri 2.520 năm nói về “đạo quân”, vì cả đền thánh lẫn đạo quân đều sẽ bị La Mã giày xéo. Lời tiên tri 2.520 năm biểu thị sự giày xéo đền thánh và dân sự của Đức Chúa Trời. Ba lời tiên tri sâu sắc, liên kết với nhau và dựa trên thời gian, xuất hiện ngay tại điểm trong Kinh Thánh nơi Chúa Giê-su tự giới thiệu mình là Đấng định số diệu kỳ của các điều kín nhiệm. Không chỉ đơn giản là Ngài chọn hai câu này để tự giới thiệu mình như Chủ của thời gian, mà chính hai câu nơi Ngài tự bày tỏ cũng xác định thời điểm khi Ngài sẽ bước vào giao ước với Y-sơ-ra-ên thuộc linh hiện đại, và hai câu ấy cũng là nền tảng và trụ cột trung tâm của Phong trào Phục Lâm.

Đoạn Kinh Thánh vượt trên mọi đoạn khác, từng là cả nền tảng lẫn trụ cột trung tâm của đức tin về sự tái lâm, chính là lời tuyên bố: 'Cho đến hai nghìn ba trăm ngày; bấy giờ đền thánh sẽ được thanh tẩy.' [Đa-ni-ên 8:14.] Cuộc Đại Tranh Chiến, 409.

Vào thời kỳ cuối cùng năm 1798, sách Đa-ni-ên được mở ấn và sứ điệp của thiên sứ thứ nhất xuất hiện trong lịch sử, đánh dấu sự gia tăng hiểu biết tiên tri diễn ra vào thời của phong trào Miller, vốn là sự khởi đầu của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy. Khi sách Đa-ni-ên được mở ấn cho những người Miller, một sứ điệp từ Palmoni—một sứ điệp thời gian—đã được hiểu. Lời của Đức Chúa Trời không bao giờ thất bại, và luôn đồng nhất phần cuối với phần đầu. Vì vậy, vào thời kỳ cuối cùng của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm chắc chắn sẽ có sự bày tỏ về bản tánh của Ngài, như đã có trong lịch sử của phong trào Miller. Thực tế này dựa trên phần khởi đầu và phần kết thúc của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, nhưng cũng dựa trên mối quan hệ đã được nêu giữa sách Đa-ni-ên và sách Khải Huyền. Đa-ni-ên và Khải Huyền được xem là một quyển sách, và trong ý nghĩa ấy, chúng là hai nhân chứng, thứ nhất là Đa-ni-ên và sau cùng là Khải Huyền.

"Hai sách Đa-ni-ên và Khải Huyền là một. Một sách là lời tiên tri, sách kia là sự mạc khải; một sách được niêm phong, sách kia được mở." Chú Giải Kinh Thánh của Cơ Đốc Phục Lâm Ngày

Thứ Bảy, tập 7, 972.

Daniel và Khải Huyền là hai sách nhưng là một sách, giống như Kinh Thánh là một sách được chia thành Cựu Ước và Tân Ước, hay khởi đầu và kết thúc. Trong Khải Huyền chương 11, hai nhân chứng được trình bày như Môi-se và Ê-li chính là Cựu Ước và Tân Ước.

Về hai chứng nhân ấy, nhà tiên tri còn nói thêm: “Ấy là hai cây ô-liu, và hai chân đèn đứng trước mặt Đức Chúa Trời của đất.” “Lời Chúa,” thi thiên gia nói, “là ngọn đèn cho chân tôi, là ánh sáng cho đường lối tôi.” Khải Huyền 11:4; Thi Thiên 119:105. Hai chứng nhân ấy tượng trưng cho Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước. Cuộc Đại Tranh Chiến, 267.

Đa-ni-ên và Giăng là hai nhân chứng, cả hai đều bị bách hại, đều bị giam cầm, đều được giao ghi chép cùng một mạch lịch sử tiên tri, đều đại diện cho một trăm bốn mươi bốn nghìn người, đều sống trong thời kỳ sau khi Giê-ru-sa-lem bị tàn phá, đều là biểu tượng của sự chết và sự sống lại (Giăng từ vạc dầu sôi và Đa-ni-ên từ hang sư tử).

Đa-ni-ên xác định một sự mặc khải đặc biệt về tính cách của Đấng Christ, và ông làm điều đó trong hai câu Kinh Thánh mà sự linh hứng gọi là “trụ cột và nền tảng trung tâm” của Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm. Hai câu ấy là “viên đá đỉnh nóc”, tức viên đá cuối cùng được đặt vào nền móng vốn được biểu trưng bởi công cuộc của William Miller. Viên đá đỉnh nóc ấy mang theo sự hiểu biết về đền thánh trên trời, luật pháp của Đức Chúa Trời, ngày Sa-bát, sự phán xét điều tra và ba thiên sứ trong Khải Huyền mười bốn. Đa-ni-ên là phần đầu của sách, Giăng là phần cuối.

Trước tác của Giăng sẽ chỉ ra một sự mặc khải về bản tính của Đấng Christ vào cuối thời kỳ của Cơ Đốc Phục Lâm. Vào buổi đầu của Israel hiện đại, Ngài bày tỏ chính mình là Đấng Kỳ Diệu Đếm Số, Đấng Tạo Hóa của mọi điều thuộc về toán học; và vào cuối thời kỳ của Israel hiện đại, Ngài đang bày tỏ chính mình là nhà ngôn ngữ học kỳ diệu. Ngài là Đấng Tạo Hóa của mọi điều liên quan đến ngôn ngữ, từ cấu trúc ngôn ngữ, các quy tắc ngữ pháp, các từ ngữ, thậm chí cả các chữ cái của bảng chữ cái. Ngài đã tạo dựng nên sự giao tiếp được thực hiện bằng từ ngữ, được chi phối bởi các quy tắc ngữ pháp, dù bằng chữ viết hay lời nói, bằng một bảng chữ cái do chính Ngài thiết kế; và vượt lên trên tất cả—Ngài chính là Ngôi Lời. Nhờ Ngôi Lời ấy, Ngài biến đổi những người La-ô-đi-xê mù lòa và chưa được chuẩn bị thành những người Phi-la-đen-phi đã được thánh hóa.

Xin Cha thánh hóa họ trong lẽ thật; lời Cha là lẽ thật. Giăng 17:17.

Từ được dịch là "thánh hóa" có nghĩa là làm cho nên thánh. Một trăm bốn mươi bốn nghìn người sẽ là thánh, và họ sẽ đạt được phẩm chất ấy nhờ "lẽ thật", hay có thể nói là nhờ "Lời" của Ngài, vì Chúa Giê-xu là Lời và Ngài là lẽ thật.

Ban đầu đã có Ngôi Lời, và Ngôi Lời ở với Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa. Ngay từ ban đầu, Ngôi Lời đã ở với Thiên Chúa. Nhờ Người, muôn vật đã được tạo thành; không có Người thì chẳng có gì đã được tạo thành. Gioan 1:1-3.

Hãy lưu ý rằng đây là điều đầu tiên mà Gioan viết trong Phúc Âm của ông. Dĩ nhiên, nó tương ứng với điều đầu tiên được viết trong Sáng Thế Ký. Nó bổ sung cho lời chứng, làm rõ hơn điều được

nêu trong Sáng Thế Ký chương một.

Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất. Sáng Thế Ký 1:1.

Từ được dịch là “Đức Chúa Trời” trong câu thứ nhất ở dạng số nhiều, qua đó cho thấy ngay từ “ban đầu” rằng Đức Chúa Trời không chỉ là một. Trong sách Tin Lành Giăng, “Ban đầu” Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời và là Đức Chúa Trời. Và Ngôi Lời là Đấng Tạo Hóa.

Chúa Giê-xu là Ngôi Lời, và Ngài đã tạo nên Kinh Thánh bằng cách kết hợp thần tính với nhân tính: thần tính được đại diện bởi Đức Thánh Linh, và nhân tính thể hiện nơi những người đã viết những lời trong các sách được gửi đến các hội thánh. Vì thế, Kinh Thánh là sự kết hợp giữa nhân tính và thần tính, cũng như Chúa Giê-xu. Mặc dù có sự tham gia của những con người xác thịt sa ngã, Kinh Thánh vẫn là thánh khiết; vì vậy, những người đã chép nó cũng là thánh khiết.

Chúng ta lại có lời tiên tri càng vững chắc hơn; anh em làm tốt khi chú ý đến lời ấy, như ngọn đèn chiếu soi trong nơi tối tăm, cho đến khi ngày rạng và sao mai mọc lên trong lòng anh em. Trước hết, phải biết điều này: chẳng có lời tiên tri nào trong Kinh Thánh do tự ý giải nghĩa. Vì lời tiên tri xưa kia chẳng hề đến bởi ý muốn loài người, nhưng những người thánh của Đức Chúa Trời đã nói ra khi được Đức Thánh Linh cảm thúc. 2 Phi-e-rơ 1:19-21.

Mặc dù các tiên tri là những người thánh khiết, họ vẫn là những con người sa ngã, vì mọi người đều đã phạm tội và thiếu mất vinh hiển của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, Kinh Thánh là sự kết hợp giữa thần tính và nhân tính, và là thánh khiết, vì Lời Đức Chúa Trời đã đến để chứng minh, qua đời sống của Ngài và qua Lời được chép của Ngài, rằng nhân tính kết hợp với thần tính thì không phạm tội. Điều gì đúng về Kinh Thánh thì cũng đúng về Đấng Christ, vì Ngài là Kinh Thánh.

Chúa Giê-su đã mang lấy xác thịt tội lỗi và không hề phạm tội, qua đó cho thấy rằng nhân tính khi kết hợp với thần tính thì không phạm tội.

"Câu chuyện về Bê-lem là một chủ đề không bao giờ vui cạn. Trong đó ẩn giấu 'bề sâu của sự phong phú cả về sự khôn ngoan và sự thông biết của Đức Chúa Trời.' Rô-ma 11:33. Chúng ta kinh ngạc trước sự hy sinh của Đấng Cứu Thế khi đổi ngài trời lấy máng cỏ, và đổi sự bầu bạn của các thiên sứ tôn thờ lấy loài súc vật nơi chuồng trại. Sự kiêu ngạo và tự cậy của con người bị quở trách trước mặt Ngài. Tuy vậy, đó chỉ là khởi đầu của sự hạ mình kỳ diệu của Ngài. Ngay cả nếu Con Đức Chúa Trời mang lấy bản tính loài người khi A-đam còn đứng trong tình trạng vô tội ở Ê-đen, thì điều ấy cũng đã là một sự hạ mình gần như vô hạn. Nhưng Chúa Giê-xu đã chấp nhận nhân tính khi nhân loại đã bị suy yếu bởi bốn nghìn năm tội lỗi. Như mọi con cháu của A-đam, Ngài chấp nhận những hệ quả của sự vận hành của định luật di truyền. Những hệ quả ấy được bày tỏ qua lịch sử các tổ tiên theo huyết thống của Ngài. Mang một di truyền như thế, Ngài đã đến để chia sẻ nỗi buồn và cảm dỗ của chúng ta, và để nêu cho chúng ta gương về một đời sống không tội lỗi." Nguyện vọng của các thời đại, 48.

Chúa Giê-su là Ngôi Lời, và cả Chúa Giê-su lẫn Kinh Thánh đều là sự kết hợp giữa nhân tính và thần tính. Khi Chúa Giê-su hình thành Kinh Thánh qua nhiều thế kỷ, Ngài đặt những quy tắc vào Kinh Thánh để những ai sẽ nghe thì nghe được. Những quy tắc chi phối Kinh Thánh cũng là những thuộc tính trong bản tính của Ngài.

"Trong sách Khải Huyền, tất cả các sách của Kinh Thánh đều hội tụ và khép lại. Ở đây là phần bổ túc cho sách Đa-ni-ên." Công Vụ Các Sứ Đồ, 585.

Từ "complement" có nghĩa là làm cho trọn vẹn. Lời chứng của Đa-ni-ên kết thúc trong Khải Huyền, khiến lời chứng của Đa-ni-ên là phần khởi đầu còn Khải Huyền là phần kết thúc. Phần mở đầu của Khải Huyền được lặp lại ở phần kết của sách, và ngay câu đầu của chương một sách Đa-ni-ên có cuộc chiến giữa Y-sơ-ra-ên theo nghĩa đen và Ba-by-lôn theo nghĩa đen, trong đó Ba-by-lôn thắng; nhưng đến hồi kết của lịch sử thời kỳ thử thách, trong Đa-ni-ên 11:45 và 12:1, Ba-by-lôn thuộc linh giao chiến với Y-sơ-ra-ên thuộc linh và cuối cùng Ba-by-lôn thua còn Y-sơ-ra-ên chiến thắng. Cũng như Giăng trong Khải Huyền, phần mở đầu lời chứng của Đa-ni-ên tương hợp với phần kết của lời chứng ấy. Vậy, lẽ thật là gì?

Giáo lý là một từ dùng để xác định điều mà một cộng đồng tín hữu hiểu là đúng. Mục đích hay cách sử dụng của nó không bị giới hạn trong Kinh Thánh hay trong Kitô giáo. Trong cái gọi là Kitô giáo, có lẽ các "giáo lý" giả nhiều hơn là thật, vì Babylon thuộc linh, tức chế độ giáo hoàng, là cái lồng của mọi loài chim ô uế và đáng ghét, và những con chim ấy tượng trưng cho điều ác, điều được các hội thánh duy trì và che đậy bằng các giáo lý giả, chẳng hạn như (cho rằng) luật pháp đã bị bãi bỏ. Nhưng vẫn có giáo lý chân thật.

Tư duy của những người Bê-rê không bị bó hẹp bởi thành kiến. Họ sẵn lòng tra xét tính chân thật của những giáo lý do các sứ đồ rao giảng. Họ nghiên cứu Kinh Thánh, không phải vì tò mò, nhưng để học biết những gì đã được chép về Đấng Mê-si-a đã được hứa. Mỗi ngày họ tra xét các bản văn được linh cảm, và khi họ so sánh Kinh Thánh với Kinh Thánh, các thiên sứ trên trời ở bên họ, soi sáng tâm trí họ và cảm động tâm lòng họ.

Hễ nơi nào các lẽ thật của Tin Lành được rao giảng, những ai chân thành mong muốn làm điều đúng sẽ được dẫn dắt đến việc tra xét Kinh Thánh cách siêng năng. Nếu, trong những thời khắc cuối cùng của lịch sử thế gian này, những người được rao giảng các lẽ thật mang tính thử thách biết noi gương người Bê-rê, tra xét Kinh Thánh mỗi ngày và đối chiếu các sứ điệp họ nhận được với Lời Đức Chúa Trời, thì ngày nay đã có đông đảo người trung thành với các điều răn của luật pháp Đức Chúa Trời, trong khi hiện nay chỉ có tương đối ít. Nhưng khi những lẽ thật Kinh Thánh không được ưa chuộng được trình bày, nhiều người từ chối thực hiện cuộc tra xét này. Dù không thể bác bỏ những lời dạy rõ ràng của Kinh Thánh, họ vẫn tỏ ra hết sức miễn cưỡng nghiên cứu các bằng chứng được đưa ra. Một số người cho rằng dù các giáo lý này quả thật là đúng, thì việc họ có chấp nhận ánh sáng mới hay không cũng chẳng quan trọng mấy, và họ bám lấy những chuyện hoang đường êm tai mà kẻ thù dùng để dẫn các linh hồn đi lạc. Như vậy, tâm trí họ bị sai lầm làm cho mù quáng, và họ bị tách rời khỏi thiên đàng.

"Tất cả sẽ bị phán xét theo ánh sáng đã được ban cho. Chúa sai các sứ giả của Ngài ra đi với sứ điệp cứu rỗi, và những ai nghe, Ngài sẽ buộc họ chịu trách nhiệm về cách họ tiếp nhận lời của các đấng tớ Ngài. Những ai chân thành tìm kiếm lẽ thật sẽ, dưới ánh sáng của lời Đức Chúa Trời, cẩn thận xem xét các giáo lý được trình bày cho họ." Công Vụ Các Sứ Đồ, 231, 232.

Có những "giáo lý" là "các lẽ thật của Phúc Âm", và chúng cần được nghiên cứu. Một số (nếu không phải là tất cả) là "lẽ thật thử thách". Ngày Sa-bát là một lẽ thật thử thách dễ hiểu. Có những giáo lý chân thật và giáo lý giả dối. Một số giáo lý chân thật đặt ra một thử thách cho những ai

nghe chúng. Cũng có một loại lễ thật được định cho một thời kỳ nhất định. Những lễ thật ấy được gọi là "lễ thật hiện tại".

Có nhiều lễ thật quý báu được hàm chứa trong Lời Đức Chúa Trời, nhưng "lễ thật hiện tại" mới là điều bây chiên đang cần lúc này. Tôi đã thấy mỗi nguy khi các sứ giả xa rời những điểm quan trọng của lễ thật hiện tại, để mãi bàn về những đề tài không nhằm hiệp nhất bây chiên và thánh hóa linh hồn. Nhân đó, Sa-tan sẽ tận dụng mọi cơ hội có thể để gây tổn hại cho sự nghiệp.

"Nhưng những đề tài như đền thánh, liên hệ với 2300 ngày, các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin của Đức Chúa Giê-su, rất thích hợp để giải thích phong trào Tái Lâm trong quá khứ và cho thấy lập trường hiện tại của chúng ta là gì, củng cố đức tin của những người còn hoài nghi, và đem lại sự chắc chắn cho tương lai vinh hiển. Những điều này, tôi đã thường thấy, là những đề tài chủ yếu mà các sứ giả nên tập trung giảng giải." *Early Writings*, 63.

Những người Cơ Đốc Phục Lâm thường sử dụng đoạn văn này để né tránh điều mà nó thật sự nói. Họ lập luận rằng tất cả những gì cần được nhấn mạnh trong các thông điệp về "lễ thật hiện tại" của chúng ta là đền thánh, 2300 ngày, các điều răn và đức tin của Chúa Giê-su. Họ đưa ra khẳng định này để tránh những gì được nêu rõ về bốn chủ đề này.

Mục đích của bốn chân lý vĩ đại này là chúng đã được "tính toán một cách hoàn hảo để giải thích phong trào Phục Lâm trong quá khứ và cho thấy vị trí hiện tại của chúng ta là gì, củng cố đức tin của những người hoài nghi, và mang lại sự chắc chắn về tương lai vinh hiển." Bốn giáo lý lễ thật hiện tại này được thiết kế nhằm cho thấy rằng khởi đầu của Phục Lâm giáo (phong trào Phục Lâm trong quá khứ) minh họa cho sự kết thúc của Phục Lâm giáo (vị trí hiện tại của chúng ta). Bốn giáo lý chủ yếu ấy được "tính toán hoàn hảo" để giải thích nguyên tắc rằng sự kết thúc được minh họa bởi sự khởi đầu. Theo đoạn văn được linh hứng này, đây là "lễ thật hiện tại" mà "bây chiên cần ngay bây giờ."

Israel cổ đại là sự khởi đầu của Israel, còn Israel hiện đại là sự kết thúc. Israel cổ đại theo nghĩa đen tiêu biểu cho dân sự Cơ Đốc Phục Lâm (Ngày Thứ Bảy) từ thời kỳ cuối cùng vào năm 1798 cho đến luật ngày Chủ nhật. Trước lần giáng lâm thứ nhất của Đấng Christ, "lễ thật hiện tại" đã không được người Do Thái nhận ra, vì họ mù lòa (Laodicê) do lệ thuộc vào các phong tục và truyền thống.

"Chúng ta muốn hiểu thời kỳ mà chúng ta đang sống. Chúng ta chẳng hiểu nổi nửa phần. Chúng ta cũng chẳng lĩnh hội nổi nửa phần. Lòng tôi run rẩy khi nghĩ đến kẻ thù đáng gờm mà chúng ta phải đối mặt, và chúng ta đã chuẩn bị kém cỏi biết bao để đối đầu với hắn. Những thử thách của con cái Israel, và thái độ của họ ngay trước sự giáng lâm lần thứ nhất của Đấng Christ, đã được trình bày trước tôi hết lần này đến lần khác để minh họa vị thế của dân sự của Đức Chúa Trời trong kinh nghiệm của họ trước sự giáng lâm lần thứ hai của Đấng Christ—rằng kẻ thù đã tìm mọi dịp để chiếm quyền kiểm soát tâm trí người Do Thái như thế nào, và ngày nay hắn đang tìm cách làm mù lòa tâm trí các đầy tớ của Đức Chúa Trời, để họ không thể nhận ra lễ thật quý báu." *Những Sứ điệp Được Chọn*, quyển 2, 406.

Theo nguồn tham khảo tiếp theo của chúng ta, người Do Thái đã đánh mất "chân lý nguyên thủy của Đức Chúa Trời", và đối với người Do Thái, chân lý nguyên thủy ấy chính là lịch sử về cuộc giải cứu khỏi Ai Cập. Lịch sử về cuộc giải cứu ấy là chân lý nguyên thủy của họ; đó là chân lý mà họ được chỉ dạy phải truyền dạy cho con cái họ qua các thế hệ. Họ đã thất bại, phong trào Phục Lâm cũng vậy. Để trình bày chân lý cho những người Do Thái bị mù lòa, Chúa Giê-su đã đặt chân lý vào một khuôn khổ.

Vào thời của Đấng Cứu Thế, người Do Thái đã che phủ những viên ngọc quý của lẽ thật bằng đồng rác rưởi của truyền thống và chuyện hoang đường, đến nỗi không thể phân biệt thật với giả. Đấng Cứu Thế đã đến để dọn sạch rác rưởi của mê tín và những sai lầm đã ô nhiễm từ lâu, và để đặt những viên ngọc của lời Đức Chúa Trời vào khuôn khổ của lẽ thật. Nếu bây giờ Ngài đến với chúng ta như Ngài đã đến với người Do Thái, thì Đấng Cứu Thế sẽ làm gì? Ngài cũng sẽ phải làm một công việc tương tự là quét sạch rác rưởi của truyền thống và lẽ nghi. Khi Ngài làm công việc ấy, người Do Thái đã rất khó chịu. Họ đã mất dấu lẽ thật nguyên thủy của Đức Chúa Trời, nhưng Đấng Christ đã đem nó ra ánh sáng một lần nữa. Công việc của chúng ta là giải phóng những lẽ thật quý báu của Đức Chúa Trời khỏi mê tín và sai lầm.

Những lẽ thật vinh hiển đã bị chôn vùi khuất khỏi tầm mắt và bị làm cho mất đi vẻ rạng rỡ, kém hấp dẫn bởi sai lầm và mê tín. Chúa Giê-su bày tỏ ánh sáng của Đức Chúa Trời và làm hiển lộ vẻ đẹp rạng ngời của lẽ thật trong tất cả vinh quang thiêng liêng của nó. Tâm trí của những người ngay thẳng tràn đầy sự ngưỡng mộ. Lòng họ được lôi cuốn bằng tình cảm thánh khiết hướng về Đấng đã đem những báu vật của lẽ thật ra và trình bày chúng cho họ hiểu.

"Người Do Thái hiểu một phần của lẽ thật và dạy dỗ một phần Lời của Đức Chúa Trời; nhưng họ không thấu hiểu bản chất sâu rộng của luật pháp Đức Chúa Trời. Đấng Christ quét sạch rác rưởi của truyền thống và bày tỏ cốt lõi và trọng tâm của các mục đích của Đức Chúa Trời. Khi Ngài làm điều này, họ trở nên phẫn nộ đến mức không thể kiềm chế. Họ phao tin thất thiệt từ thành này sang thành khác rằng Đấng Christ đang phá hoại công việc của Đức Chúa Trời. Nhưng trong khi Chúa Giê-xu loại bỏ những hình thức cũ, Ngài khôi phục những lẽ thật xưa, đặt chúng vào khuôn khổ của lẽ thật. Ngài ghép và liên kết chúng lại với nhau, làm thành một hệ thống lẽ thật trọn vẹn và cân xứng. Ấy là công việc Cứu Chúa chúng ta đã làm; còn bây giờ chúng ta sẽ làm gì? Há chúng ta không nên làm việc hài hòa với Đấng Christ sao? Chúng ta sẽ để tin đồn chi phối mình ư? Chúng ta có để những tưởng tượng của chính mình che khuất ánh sáng của Đức Chúa Trời khỏi chúng ta chăng? Chúng ta phải đọc cách chăm chú, lắng nghe cách hiểu biết, và cũng dạy cho người khác những điều chúng ta đã học. Chúng ta phải luôn khao khát bánh sự sống, không ngừng tìm kiếm nước hằng sống và tuyết Li-băng, để chúng ta có thể dẫn dắt dân sự đến những dòng nước sống mát lạnh của Nguồn suối lẽ thật." Review and Herald, ngày 4 tháng 6 năm 1889.

Trong lần đến thứ nhất của Ngài, Chúa Giê-su "phục hồi những lẽ thật xưa, đặt chúng trong khuôn khổ của lẽ thật. Ngài đối chiếu và liên kết chúng lại, hình thành một hệ thống lẽ thật trọn vẹn và cân đối." Chúa Giê-su đã dùng lịch sử ở buổi đầu của Israel cổ đại để tái lập những lẽ thật xưa, và Ngài làm vậy bằng cách đối chiếu các lẽ thật ấy (theo chủ đề) và liên kết chúng lại với nhau (một cách song song, dòng trên dòng). Ngài làm như vậy nhằm giải phóng người Do Thái khỏi các phong tục và truyền thống đã làm họ mù quáng. Lịch sử đó chính là lịch sử giai đoạn kết thúc của

Israel theo nghĩa đen.

Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đang lặp lại lịch sử về sự kết thúc của Y-sơ-ra-ên cổ đại, và khuôn khổ để đặt lẽ thật vào nhằm cất bỏ sự mù lòa La-ô-đi-xê do truyền thống và tập quán nay cũng được thực hiện như khi Đấng Christ tương tác với người Do Thái. Những "lẽ thật cũ" cần được đặt vào "khuôn khổ" của lẽ thật, để kết nối các dòng tiên tri với các dòng tiên tri khác, "dòng trên dòng" song song, hầu có thể giải phóng một người La-ô-đi-xê khỏi sự mù lòa của họ. Đấng Christ là gương mẫu của chúng ta trong mọi sự.

Có những lẽ thật trong Kinh Thánh được xác định là giáo lý, và "có nhiều lẽ thật kỳ diệu," nhưng cũng có "lẽ thật hiện tại" là một "bài thử đối với dân sự của" "thế hệ" đang sống khi lẽ thật ấy được bày tỏ. Theo lời tiên tri, điều này xảy ra trong thế hệ thứ tư của phong trào Phục Lâm, và "lẽ thật hiện tại" "vốn là một bài thử cho thế hệ này" đã không phải là một bài thử đối với các thế hệ đầu của phong trào Phục Lâm.

Trong Kinh Thánh có những điều khó hiểu, và theo lời của Phi-e-rơ, những kẻ dốt nát và không vững vàng vịn vẹo chúng đến sự hủy diệt của chính mình. Trong đời này, có thể chúng ta không thể giải thích ý nghĩa của mọi đoạn Kinh Thánh; nhưng sẽ không có điểm cốt yếu nào của lẽ thật thực tiễn bị phủ mờ bởi điều bí ẩn. Khi đến thời điểm, theo sự quan phòng của Đức Chúa Trời, để thế gian được thử nghiệm về lẽ thật cho thì giờ ấy, tâm trí con người sẽ được Thánh Linh của Ngài thúc giục để tra xem Kinh Thánh, cả kiêng ăn lẫn cầu nguyện, cho đến khi hết mắt xích này đến mắt xích khác được tìm ra và liên kết thành một chuỗi trọn vẹn. Mọi sự thật liên quan trực tiếp đến sự cứu rỗi các linh hồn sẽ được làm rõ đến nỗi không ai cần phải làm lạc hay bước đi trong bóng tối.

Khi chúng ta lần theo chuỗi lời tiên tri, lẽ thật được bày tỏ cho thời đại của chúng ta đã hiện rõ và được giải thích. Chúng ta chịu trách nhiệm về những đặc ân mình hưởng và về ánh sáng soi trên nẻo đường của mình. Những người sống ở các thế hệ trước chịu trách nhiệm về ánh sáng được ban cho soi rọi trên họ. Tâm trí họ được rèn luyện đối với những điểm khác nhau trong Kinh Thánh, và những điểm ấy đã thử thách họ. Nhưng họ không hiểu những lẽ thật như chúng ta hiểu. Họ không chịu trách nhiệm về ánh sáng mà họ không có. Họ có Kinh Thánh, như chúng ta; nhưng thời kỳ các lẽ thật đặc biệt liên quan đến những cảnh kết thúc trong lịch sử của trái đất này được khai mở là trong các thế hệ cuối cùng sẽ sống trên đất.

"Những lẽ thật đặc biệt đã được điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh của từng thế hệ qua các thời kỳ. Lẽ thật hiện tại, vốn là một phép thử đối với những người thuộc thế hệ này, đã không phải là một phép thử đối với những người của các thế hệ xa xưa. Nếu ánh sáng hiện nay soi trên chúng ta liên quan đến ngày Sa-bát của điều răn thứ tư đã được ban cho các thế hệ trong quá khứ, thì Đức Chúa Trời hẳn đã buộc họ chịu trách nhiệm về ánh sáng ấy." Chứng ngôn, tập hai, 692, 693.

Đối với những ai có thể muốn phủ nhận rằng có bốn thế hệ trong lịch sử của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, xin mời xem các Bảng của Habakkuk. Một cách rất đơn giản để hiểu thực tế này là tên Laodicea có nghĩa là một dân bị phán xét. Sự khởi đầu của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đã công bố sự khai mở của cuộc phán xét và sự kết thúc của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm công bố sự khép lại của cuộc phán xét. Sự khép lại của cuộc phán xét diễn ra trong các thế hệ thứ ba và thứ tư.

Người chớ làm cho mình tượng chạm nào, cũng chớ làm bất cứ hình tượng nào giống vật gì ở trên trời cao, dưới đất thấp, hay trong nước dưới đất. Người chớ quỳ lạy chúng, cũng chớ phụng sự chúng; vì Ta, Đức Chúa Trời của người, là Đức Chúa Trời ghen tuông, trừng phạt tội lỗi của tổ phụ trên con cháu đến ba bốn đời của những kẻ ghét Ta; và bày tỏ lòng thương xót đến hàng ngàn người là những kẻ yêu mến Ta và giữ các điều răn Ta. Xuất Hành 20:4-6.

Vào lúc kết thúc kỳ phán xét, thế hệ cuối cùng của Phục Lâm La-ô-đi-xê (một dân bị phán xét) sẽ bị phán xét và bị mưa ra khỏi miệng Chúa, như dân Y-so-ra-ên xưa khi Giê-ru-sa-lem bị hủy diệt. Các giáo lý Kinh Thánh là lẽ thật; cũng có những lẽ thật thử nghiệm, và rồi có những lẽ thật hiện tại. Lẽ thật hiện tại luôn là một lẽ thật thử nghiệm, nhưng nó xác định một lẽ thật thử nghiệm đặc biệt dành cho thế hệ đang sống. Tuy vậy, thực tế có lẽ là bất cứ lẽ thật nào từ lời Đức Chúa Trời mà chúng ta chọn khước từ thì vừa trở thành một lẽ thật thử nghiệm mà chúng ta đã không vượt qua.

Chúa Giê-xu là Lời của Đức Chúa Trời, và Ngài là lẽ thật. Ngài cho Phi-lát biết rằng lý do Ngài “đã đến” “vào thế gian” là để “làm chứng cho lẽ thật”, và rằng hễ ai nghe tiếng Ngài “đều thuộc về lẽ thật”. Từ “lẽ thật” mà Phi-lát và Chúa Giê-xu nói đến bắt nguồn từ một từ tiếng Hê-bơ-ơ được dịch là “lẽ thật” và xuất hiện một trăm hai mươi bảy lần trong Cựu Ước. Từ Hê-bơ-ơ đó (H571) được dịch ra nhiều từ tiếng Anh khác nhau, nhưng trong Cựu Ước, nó được dịch là “lẽ thật” chín mươi hai lần. Đó là một trong những từ đầy sức mạnh, ở nhiều phương diện.

Từ được dịch là “chân lý” trong Cựu Ước gồm ba chữ cái Hê-bơ-ơ; trong hệ chữ cái Hê-bơ-ơ, mỗi chữ cái đều mang một ý nghĩa riêng, nên từ được tạo thành từ các chữ cái sẽ kết hợp các ý nghĩa của từng chữ để tạo ra ý nghĩa trọn vẹn của từ. Từ “chân lý” được cấu thành từ ba chữ cái Hê-bơ-ơ: chữ cái đầu tiên của bảng chữ cái Hê-bơ-ơ, một chữ cái ở giữa và chữ cái cuối cùng của bảng chữ cái Hê-bơ-ơ. “Chân lý” trong Cựu Ước được biểu thị bởi chữ cái đầu và chữ cái cuối của bảng chữ cái, với một chữ cái ở giữa!

Đây là định nghĩa về “quy tắc lần nhắc đến đầu tiên” theo Kinh Thánh. Lần đầu tiên một chủ đề được trình bày là điểm tham chiếu quan trọng nhất cho từ ngữ ấy; từ đó như một hạt giống và chứa đựng toàn bộ DNA cần thiết để tạo nên trọn vẹn câu chuyện. Điểm tham chiếu quan trọng thứ hai trong “quy tắc lần nhắc đến đầu tiên” là lần tham chiếu cuối cùng, vì đó là nơi mọi câu chuyện nảy sinh giữa khởi đầu và kết thúc được kết nối lại với nhau. “Trong sách Khải Huyền, mọi sách của Kinh Thánh gặp nhau và kết thúc”, và Khải Huyền là sách cuối cùng của Kinh Thánh.

Từ tiếng Do Thái “sự thật” mà chúng ta đang xem xét bắt đầu bằng chữ cái “Aleph”, ký tự thứ mười ba là “Mem” và chữ cái thứ hai mươi hai, cũng là chữ cuối cùng, là “Tav”. Dĩ nhiên, có nhiều sắc thái khác nhau trong các định nghĩa của những chữ cái này tùy thuộc vào nhà ngôn ngữ học mà bạn tham khảo, nhưng các định nghĩa chung thì rất giàu thông tin.

א (Aleph): Chữ cái đầu tiên của bảng chữ cái Do Thái, thường gắn với sự thống nhất, đại diện cho điều thiêng liêng và sự vĩnh cửu, tượng trưng cho mối liên hệ giữa Thiên Chúa và công trình tạo dựng.

מ (Mem): Chữ cái thứ mười ba của bảng chữ cái tiếng Do Thái và thường gắn liền với nước.

n (Tav): Chữ cái cuối cùng của bảng chữ cái Do Thái, và nó mang nghĩa “dấu” hoặc “ký hiệu.” Nó thường gắn liền với khái niệm về sự hoàn tất hoặc “dấu ấn” của sự sáng tạo. Trong tiếng Do Thái cổ, chữ Tav có hình dạng chữ thập.

Từ tiếng Hê-bơ-rơ được dịch là “lẽ thật” mà chúng ta đang xem xét được cấu tạo từ ba chữ cái, và cùng nhau chúng đại diện cho Tin Lành đời đời. Gì cơ? Điều này dễ thấy nếu bạn hiểu rằng sứ điệp của ba thiên sứ chính là Tin Lành đời đời. Điều ấy dễ nhận ra vì ý nghĩa của ba chữ cái này đại diện cho sứ điệp của ba thiên sứ.

Thiên sứ thứ nhất trong Khải Huyền 14 nêu rõ Tin Lành đời đời, rồi truyền cho cả thế gian hãy “kính sợ Đức Chúa Trời” và tôn vinh Ngài bằng việc thờ phượng Đấng Tạo Hóa. Định nghĩa của (Aleph), chữ cái thứ nhất trong ba chữ cái ấy, là: “Đức Chúa Trời thiêng liêng, hằng hữu, và là Đấng Tạo Hóa của loài người, là Đức Chúa Trời mà con người phải kính sợ và thờ phượng cách cung kính.”

Aleph tượng trưng cho sứ điệp của thiên sứ thứ nhất.

Sứ điệp của thiên sứ thứ hai kêu gọi người ta ra khỏi Ba-by-lôn, đánh dấu thời điểm Đức Thánh Linh được đổ xuống và chỉ ra sự phản nghịch của Ba-by-lôn. Ý nghĩa của (Mem) gắn với nước, (biểu tượng cho sự đổ xuống của Đức Thánh Linh), và nó là ký tự thứ mười ba trong bảng chữ cái; số mười ba là biểu tượng của sự phản nghịch, qua đó nhận diện Ba-by-lôn. Mem tượng trưng cho sứ điệp của thiên sứ thứ hai.

Thiên sứ thứ ba cảnh báo con người đừng nhận dấu của con thú, chỉ ra hai hạng người thờ phượng và con thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Định nghĩa của (Tav) là nó tượng trưng cho một ‘dấu’ (dấu của con thú), nó tượng trưng cho ấn của sự sáng tạo (ấn của Đức Chúa Trời). Bản thân chữ cái này có hình dạng thập tự giá. Tav đại diện cho sứ điệp của thiên sứ thứ ba.

Ấn của Đức Chúa Trời hằng sống, được đặt trên trán dân Ngài, là gì? Ấy là một dấu mà các thiên sứ có thể đọc, nhưng mắt loài người thì không; vì thiên sứ hủy diệt phải thấy dấu hiệu của sự cứu chuộc này. Người có trí hiểu biết đã thấy dấu hiệu của thập tự giá ở Gô-gô-tha nơi những người con trai và con gái được Chúa nhận làm con. Tội vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời đã được cất bỏ. Họ mặc áo cưới và vâng phục, trung tín với mọi điều răn của Đức Chúa Trời.

"Chúa sẽ không dung thứ cho những ai biết lẽ thật nếu họ không vâng phục các mệnh lệnh của Ngài trong lời nói và việc làm." Maranatha, 243.

Từ tiếng Hê-bơ-rơ được dịch là “chân lý” gồm ba chữ cái, mỗi chữ đều có ý nghĩa riêng. Ba ý nghĩa ấy cũng là ý nghĩa của sứ điệp ba thiên sứ. Chúng cũng là ý nghĩa của sứ điệp thiên sứ thứ nhất, vì sứ điệp thiên sứ thứ nhất là sứ điệp ở buổi khởi đầu của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, còn sứ điệp thiên sứ thứ ba là sứ điệp vào thời kỳ kết thúc của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm. Bởi vì Chúa Giê-su minh họa phần cuối bằng phần khởi đầu, thiên sứ thứ nhất có đủ tất cả các mốc dấu tiên tri của sứ điệp thiên sứ thứ ba. Như vậy, ý nghĩa của ba chữ cái Hê-bơ-rơ trở thành những biểu tượng không chỉ của sứ điệp thiên sứ thứ ba, mà còn của sứ điệp thiên sứ thứ nhất.

Giảng trong sách Khải Huyền được bảo chép những điều khi ấy đang có, và khi làm như vậy, ông đồng thời sẽ chép những điều sẽ xảy đến trong tương lai. Ông ghi lại phần khởi đầu để minh họa phần kết thúc. Một cách dứt khoát, những người Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy đã được cho biết phải nghiên cứu và rao giảng sứ điệp của phong trào Miller, tức là sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Khi nghiên cứu và rao giảng những lẽ thật và lịch sử ấy, chúng ta sẽ rao giảng sứ điệp của thiên sứ thứ ba và lập lại lịch sử của thiên sứ thứ nhất.

"Đức Chúa Trời không ban cho chúng ta một sứ điệp mới. Chúng ta phải rao giảng sứ điệp đã đưa chúng ta ra khỏi các giáo hội khác vào những năm 1843 và 1844." Review and Herald, ngày 19 tháng 1 năm 1905.

"Tất cả các sứ điệp đã được ban từ năm 1840–1844 phải được trình bày một cách mạnh mẽ ngay bây giờ, vì có nhiều người đã mất phương hướng. Những sứ điệp ấy phải được gửi đến tất cả các hội thánh." Manuscript Releases, tập 21, 437.

"Những lẽ thật mà chúng ta đã nhận được vào năm 1841, '42, '43 và '44 hiện nay cần được nghiên cứu và rao giảng." Manuscript Releases, tập 15, 371.

"Lời cảnh báo đã đến: Không được cho phép bất cứ điều gì chen vào làm lung lay nền tảng của đức tin mà trên đó chúng ta đã xây dựng kể từ khi sứ điệp đến vào các năm 1842, 1843 và 1844. Tôi đã ở trong sứ điệp này, và kể từ đó đến nay tôi đã đứng trước thế gian, trung thành với ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Chúng tôi không chủ trương rời khỏi nền tảng mà chúng tôi đã đứng, nền tảng được hình thành khi ngày qua ngày chúng tôi tìm kiếm Chúa bằng những lời cầu nguyện tha thiết, khẩn cầu ánh sáng. Bạn có nghĩ rằng tôi có thể từ bỏ ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban cho tôi không? Ánh sáng ấy phải vững như Vàng Đá Muôn Đời. Từ khi được ban, nó đã dẫn dắt tôi." Review and Herald, ngày 14 tháng 4, năm 1903.

Sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và bối cảnh lịch sử nơi sứ điệp ấy được công bố có sự song hành và minh họa cho lịch sử hiện tại của chúng ta — với một vài lưu ý mang tính tiên tri. Cả hai lịch sử ấy cũng được biểu trưng bằng ba chữ cái mà vị nhà ngôn ngữ học Thiêng Liêng dùng để tạo nên từ "chân lý". Và từ "chân lý" ấy đại diện cho Tin Lành đời đời.

Lịch sử của những người theo Miller vào buổi đầu của phong trào Phục Lâm, tượng trưng cho thiên sứ thứ nhất, và lịch sử vào thời kỳ cuối của phong trào Phục Lâm, được tượng trưng bởi thiên sứ thứ ba, là hai lịch sử song song, nhưng vẫn có một số điểm khác biệt.

Thiên sứ thứ nhất công bố sự mở ra của cuộc phán xét, và thiên sứ thứ ba công bố sự khép lại của cuộc phán xét. Cấu trúc tiên tri mà theo đó lịch sử của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm được triển khai là giống hệt nhau ở phần khởi đầu cũng như phần kết thúc. Cả hai đầu mút đều có thể được chỉ ra là đi theo ba bước của ba thiên sứ khi họ xuất hiện trong lịch sử. Và ba thiên sứ đó cũng chính là ba chữ cái đó. Vì vậy, trình tự các sự kiện tiên tri ở cả hai đầu của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đều dựa trên ba bước của ba thiên sứ, là những cột mốc cũng được biểu trưng bằng ba chữ cái Do Thái tạo thành từ "chân lý".

An-pha là khởi đầu của phái Cơ Đốc Phục Lâm, Ô-mê-ga là sự kết thúc của phái Cơ Đốc Phục Lâm, và chữ cái ở giữa, vốn là chữ cái thứ mười ba, do đó biểu thị sự phân loạn của phái Cơ Đốc

Phục Lâm từ lúc khởi đầu cho đến tận cùng.

Chúng ta được chỉ dạy về đâu là đường lối của Đức Chúa Trời:

Lạy Đức Chúa Trời, đường lối Chúa ở trong nơi thánh: có Đức Chúa Trời nào vĩ đại như Đức Chúa Trời chúng ta không? Thi Thiên 77:13.

Trong Đền Thánh, chúng ta nhận thấy đường lối của Đức Chúa Trời cũng gồm ba bước như ba sứ điệp của ba thiên sứ. Tại Ngoại viện, lòng kính sợ Đức Chúa Trời khiến người ta dâng của lễ và nhận được sự xưng công bình. Tại Nơi Thánh, sự nên thánh được biểu trưng qua đời sống cầu nguyện (bàn thờ xông hương), đời sống nghiên cứu Lời (bàn bánh trưng bày) và đời sống phục vụ (chân đèn). Nơi Chí Thánh tượng trưng cho sự phán xét. Khi có lòng kính sợ Đức Chúa Trời như trong sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, chúng ta tìm kiếm sự xưng công bình dưới chân thập tự giá, tại Ngoại viện. Khi được xưng công bình (được làm nên công chính), chúng ta bước đi trong sự mới mẻ của đời sống nên thánh (tăng trưởng trong sự thánh khiết) như Nơi Thánh biểu trưng. Nơi Thánh tiêu biểu cho công việc của một Cơ Đốc nhân, như đã được những người theo Miller thực hiện trong thời sứ điệp của thiên sứ thứ hai, kèm theo Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm. Được xưng công bình và nên thánh, chúng ta được chuẩn bị cho sự phán xét mà Nơi Chí Thánh tượng trưng. Ba bước trong Đền Thánh, ngoài những điều khác, còn đại diện cho ba thuật ngữ thần học: sự xưng công bình, sự nên thánh và sự vinh hiển hóa, và cũng đại diện cho ba sứ điệp của ba thiên sứ, và dĩ nhiên cũng đại diện cho sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, và dĩ nhiên cũng đại diện cho ba chữ cái được dùng để tạo nên từ "truth."

Trong sân của đền thánh, chúng ta cũng thấy đủ cả ba bước. Bước đầu tiên vào đền thánh phải minh họa cho bước cuối cùng của đền thánh, cũng như thiên sứ thứ nhất tương ứng với thiên sứ thứ ba. Bước thứ nhất ở trong sân là việc giết con sinh tể, tượng trưng cho sự xưng công bình. Bước thứ hai là chậu rửa, nơi mỡ (tội lỗi) được loại bỏ và của lễ được tẩy sạch trước các bước cuối cùng. Nước trong chậu rửa là đặc trưng của bước thứ hai. Bước thứ ba là của lễ thiêu thực sự, tượng trưng cho Đấng Christ trên thập tự giá, nơi sự phán xét được hoàn tất. Ba bước giống nhau ấy cũng có trong bước thứ nhất của đền thánh, cũng như ba bước giống nhau ấy có trong sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Nguyên tắc Alpha và Omega ở trong đền thánh, như ở trong các sứ điệp của ba thiên sứ, như ở trong những chữ cái cấu thành từ "lẽ thật".

Lời tiên tri 2.300 năm có cấu trúc giống hệt. Lời tiên tri bắt đầu bằng ba sắc lệnh và kết thúc khi sứ điệp của thiên sứ thứ ba đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Lời tiên tri trình bày năm dòng tiên tri, và lịch sử ở phần khởi đầu của lời tiên tri 2.300 năm đại diện cho giai đoạn kết thúc của từng dòng trong số năm dòng tiên tri ấy. Phần khởi đầu và phần kết thúc của trọn vẹn lời tiên tri 2.300 năm có ba sắc lệnh, và nó kết thúc bằng ba sứ điệp.

Sự khởi đầu của lời tiên tri vào năm 457 TCN diễn ra trong thời kỳ rối ren và tạo điều kiện để người Do Thái trở về tái thiết đền thờ và thành phố. Phù hợp với lời tiên tri, 49 năm sau kể từ khi công cuộc bắt đầu vào năm 457 TCN, công cuộc ấy đã hoàn tất trong thời kỳ rối ren. Khởi đầu của 49 năm là hình ảnh về kết thúc của 49 năm.

Năm 457 TCN đánh dấu sự khởi đầu của lời tiên tri xác định việc Đấng Christ được xúc dầu khi Ngài chịu phép báp-tem. Việc Ngài được xúc dầu đánh dấu sự khởi đầu công việc của Ngài trong việc quy tụ một dân làm công dân của Giê-ru-sa-lem Mới, chứ không phải Giê-ru-sa-lem Cũ, cũng như Israel xưa đã được tập hợp để tái xây dựng Giê-ru-sa-lem hữu hình vào năm 457 TCN.

Năm 457 TCN cũng đánh dấu khởi đầu của lời tiên tri xác định thời điểm Chúa Kitô sẽ bị đóng đinh trên thập tự giá. Bà White đối chiếu lịch sử của thập tự giá với Sự Thất Vọng Lớn ngày 22 tháng 10 năm 1844, và bà cũng đối chiếu lịch sử cuộc vượt Biển Đỏ với Sự Thất Vọng Lớn. Vào năm 457 TCN đã có một sự thất vọng mang tính tiên trưng cho sự thất vọng của người Hê-bơ-ơ tại Biển Đỏ, Sự Thất Vọng Lớn của người Cơ Đốc Phục Lâm, sự thất vọng của các môn đồ trước thập tự giá, và của Ê-xơ-ra vào năm 457 TCN.

Ê-xơ-ra đã mong đợi rằng một số đông sẽ trở về Giê-ru-sa-lem, nhưng số người đáp lại lời kêu gọi lại ít ỏi đến thất vọng. Nhiều người đã có nhà cửa và ruộng đất không muốn hy sinh những tài sản ấy. Họ yêu thích sự nhàn nhã và tiện nghi, và hoàn toàn thỏa mãn với việc ở lại. Gương của họ trở thành một trở ngại cho những người khác, những người lẽ ra có thể đã chọn chung số phận với những người đang tiến bước bằng đức tin. Prophets and Kings, 612.

Năm 457 TCN cũng đánh dấu sự khởi đầu của lời tiên tri cho biết thời điểm khi Israel cổ đại sẽ bị Đức Chúa Trời đoạn tuyệt và Tin Lành sẽ được rao truyền cho dân ngoại, điều này đánh dấu sự kết thúc của một thời kỳ ân huệ đặc biệt kéo dài 490 năm dành riêng cho Israel cổ đại. Vì thế, năm 457 TCN đánh dấu sự khởi đầu thời kỳ ân huệ của họ, và năm 34 SCN đánh dấu sự kết thúc thời kỳ ân huệ của họ, tiêu biểu rằng thời kỳ ân huệ của phong trào Phục Lâm bắt đầu vào năm 1844 và kết thúc tại luật ngày Chủ nhật.

Có một vài lời tiên tri về thời gian khác nằm bên trong lời tiên tri 2.300 năm, nhưng tất cả đều mang dấu ấn của Alpha và Ômêga. Khởi đầu của chúng cho thấy kết thúc của chúng.

Điều quan trọng cần lưu ý là Y-sơ-ra-ên cổ đại được giao phó luật pháp của Đức Chúa Trời, và Y-sơ-ra-ên hiện đại thì không chỉ được giao phó luật pháp của Ngài mà còn cả các lời tiên tri của Ngài. Khi Chúa lập giao ước với Y-sơ-ra-ên cổ đại, Ngài giao phó cho họ Mười Điều Răn được chép trên hai bảng đá. Khi Ngài lập giao ước với Y-sơ-ra-ên hiện đại trong lịch sử phong trào Millerite, Ngài giao phó cho họ lời tiên tri của Ngài, được trình bày trên hai bảng của Habacúc qua các bảng biểu tiên phong năm 1843 và 1850. Khởi đầu của Y-sơ-ra-ên cổ đại minh họa cho khởi đầu của Y-sơ-ra-ên hiện đại.

Chúa đã kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên của Ngài và tách họ ra khỏi thế gian, để Ngài giao phó cho họ một trọng trách thiêng liêng. Ngài lập họ làm những người được giao giữ luật pháp của Ngài; và Ngài định qua họ bảo tồn trong loài người sự nhận biết về chính Ngài. Qua họ, ánh sáng từ trời sẽ tỏa chiếu đến những nơi tối tăm trên đất, và sẽ vang lên một tiếng kêu mời gọi muôn dân từ bỏ sự thờ hình tượng để hầu việc Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật.

Giả như dân Hê-bơ-ơ trung tín với sự ủy thác của mình, thì họ đã trở thành một thế lực trên thế giới. Đức Chúa Trời đã là sự bảo vệ của họ, và Ngài đã tôn cao họ hơn mọi dân tộc khác. Quyền năng và lẽ thật của Ngài đã được bày tỏ qua họ, và họ đã nổi bật dưới sự cai trị khôn ngoan và thánh khiết của Ngài như một tấm gương cho thấy tính ưu việt của nền cai trị của

Ngài vượt trên mọi hình thức thờ hình tượng. Nhưng họ đã không giữ giao ước với Đức Chúa Trời. Họ chạy theo các tập tục thờ hình tượng của các dân tộc khác; và thay vì làm cho danh Đấng Tạo Hóa của họ được ngợi khen trên đất, họ lại khiến danh ấy bị khinh bỉ.

Dẫu vậy, mục đích của Đức Chúa Trời phải được hoàn thành. Sự hiểu biết về ý muốn của Ngài phải được ban cho thế gian. Đức Chúa Trời đã để cảnh áp bức giáng trên dân Ngài và tàn lạc họ làm phu tù giữa các dân tộc. Trong cơn hoạn nạn, nhiều người trong họ đã ăn năn tội lỗi mình và tìm kiếm Chúa. Như vậy, bị tàn lạc khắp các xứ của dân ngoại, họ đã truyền bá sự hiểu biết về Đức Chúa Trời chân thật.

Trong thời này, Đức Chúa Trời đã kêu gọi Hội Thánh của Ngài, như Ngài đã kêu gọi Y-so-ra-ên xưa, đứng làm ánh sáng cho thế gian. Bằng cây búa rìu quyền năng của lễ thật—tức là các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, thứ hai và thứ ba—Ngài đã tách rời một dân khỏi các hội thánh và khỏi thế gian, để đưa họ vào mối gần gũi thánh khiết với chính Ngài. Ngài đã làm cho họ trở thành những người lưu giữ luật pháp của Ngài, và giao phó cho họ những lễ thật lớn lao của lời tiên tri cho thời kỳ này. Giống như những thánh ngôn đã được giao phó cho Y-so-ra-ên xưa, những điều này là một sự ủy thác thánh phải được truyền đạt cho thế gian.

Lời tiên tri tuyên bố rằng thiên sứ thứ nhất sẽ công bố sứ điệp của mình cho “mọi dân tộc, mọi chi tộc, mọi ngôn ngữ và mọi người.” Lời cảnh cáo của thiên sứ thứ ba, vốn là một phần của cùng sứ điệp ba phần ấy và là sứ điệp cho thời này, cũng sẽ được truyền bá rộng rãi không kém. Lá cờ trên đó có ghi “Các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin của Đức Chúa Giê-su” phải được giương cao. Sức mạnh của sứ điệp thứ nhất và thứ hai sẽ được tăng cường trong sứ điệp thứ ba. Trong lời tiên tri, điều này được mô tả như được một thiên sứ bay giữa trời rao truyền bằng tiếng lớn, và nó sẽ khiến cả thế giới phải chú ý.

"Lời đe dọa đáng sợ nhất từng được gửi đến loài người nằm trong sứ điệp của thiên sứ thứ ba. Ất hẳn đó là một tội lỗi khủng khiếp, tội khiến cho cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống mà không pha lẫn lòng thương xót. Tuy nhiên, loài người không bị bỏ trong bóng tối về vấn đề quan trọng này; lời cảnh cáo chống lại sự thờ phượng con thú và hình tượng của nó sẽ được rao ra cho thế giới trước khi các phán xét của Đức Chúa Trời giáng đến, để mọi người đều biết vì sao các phán xét ấy được giáng xuống và có cơ hội để thoát khỏi." Signs of the Times, ngày 25 tháng 1, 1910.

Việc làm ra hai tấm bảng để ứng nghiệm chương hai sách Ha-ba-cúc đã là sự ứng nghiệm của một số lời tiên tri.

Tôi sẽ đứng nơi trạm canh của mình, lên tháp canh, và canh chừng để xem Người sẽ nói gì với tôi, và tôi sẽ đáp thế nào khi bị quở trách. Chúa đáp lại tôi và phán: Hãy chép khái tượng, ghi rõ ràng trên các tấm bảng, đến nỗi người đang chạy cũng đọc được. Vì khái tượng còn dành cho một kỳ đã định; đến cuối cùng nó sẽ ứng nghiệm và không nói dối. Dầu nó có chậm trễ, hãy đợi chờ; vì chắc chắn nó sẽ đến, không trì hoãn.

Kìa, linh hồn kiêu ngạo của người ấy không ngay thẳng trong chính người ấy; nhưng người công chính sẽ sống bởi đức tin mình. Ha-ba-cúc 2:1-4.

Việc tạo ra cả Biểu đồ tiên phong năm 1843 và Biểu đồ tiên phong năm 1850 đều là sự ứng nghiệm của lời tiên tri. Việc nghiên cứu những tấm bảng của Ha-ba-cúc cung cấp đầy đủ bằng chứng cho điều này. Tuy nhiên, đoạn trong sách Ha-ba-cúc có một đóng góp quan trọng cho điểm này trong cuộc thảo luận của chúng ta.

“Tôi đã thấy rằng tám biểu đồ năm 1843 do bàn tay Chúa hướng dẫn, và rằng nó không nên bị thay đổi; rằng các con số đúng như Ngài muốn; rằng bàn tay Ngài đã che phủ và giấu đi một sai sót trong một vài con số, đến nỗi không ai có thể thấy nó, cho đến khi bàn tay Ngài được cất đi.” Early Writings, 74, 75.

Sau năm 1843, Chúa đã chỉ dạy làm một biểu đồ khác, nhưng biểu đồ đầu tiên (1843) thì không được sửa đổi, trừ khi do linh hứng.

“Tôi thấy rằng lẽ thật phải được trình bày rõ ràng trên các bảng, rằng địa cầu và mọi sự đầy dẫy trong đó thuộc về Chúa, và rằng không nên tiếc những phương tiện cần thiết để làm cho điều ấy rõ ràng. Tôi thấy rằng tám biểu đồ cũ đã được Chúa hướng dẫn, và rằng không một chi tiết nào của nó nên bị sửa đổi, trừ khi bởi sự soi dẫn. Tôi thấy rằng các chi tiết của biểu đồ là đúng như Đức Chúa Trời muốn, và rằng tay Ngài bao phủ và che giấu một sai sót trong một vài chi tiết, đến nỗi chẳng ai thấy điều đó cho đến khi tay Ngài được cất đi.” Spalding and Magan, 2.

Khi đang sống cùng với Anh Nichols (người đã làm ra biểu đồ năm 1850), trong thời gian anh ấy làm biểu đồ đó, Chị White nói rằng chị ấy đã thấy biểu đồ năm 1850 trong Kinh Thánh.

“Tôi thấy rằng Đức Chúa Trời ở trong việc xuất bản biểu đồ do Anh Nichols thực hiện. Tôi thấy rằng có một lời tiên tri về biểu đồ này trong Kinh Thánh, và nếu biểu đồ này được dành cho dân sự của Đức Chúa Trời, thì nếu nó đủ cho một người, nó cũng đủ cho người khác; và nếu một người cần một biểu đồ mới vẽ theo tỷ lệ lớn hơn, thì mọi người đều cần đến nó như nhau.” Manuscript Releases, tập 13, trang 359.

Ha-ba-cúc đã truyền rằng: "Hãy chép khái tượng, và làm cho rõ ràng trên các bảng." Hai bảng của Ha-ba-cúc là biểu tượng của giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với Phong trào Phục Lâm, khi Ngài giao phó cho họ làm những người được ủy thác gìn giữ các lời tiên tri của Ngài, cũng như Ngài đã làm khi lập giao ước với Y-sơ-ra-ên xưa và ban cho họ hai bảng luật pháp cùng trách nhiệm trở nên những người gìn giữ luật pháp. Nhưng Ha-ba-cúc xác định có hai hạng người thờ phượng liên quan đến các bảng dùng để làm cho khái tượng trở nên rõ ràng. Một hạng có "linh hồn tự cao" và "không ngay thẳng"; còn hạng kia là "những người công bình" là kẻ "sẽ sống bởi đức tin mình."

Bối cảnh của sách Ha-ba-cúc cho thấy rằng những người được xưng công chính sống bởi một đức tin đặt nền trên lời tiên tri, được thể hiện qua hai tấm bảng, và vì thế những người không được xưng công chính đã khước từ những khởi đầu của phong trào Phục Lâm. Điểm tôi muốn nêu ra dựa trên một đoạn mà chúng ta đã xem xét một thời gian trước. Đoạn ấy viết rằng:

"Nhưng những đê tài như đền thánh, liên hệ với 2300 ngày, các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin của Đức Chúa Giê-su, rất thích hợp để giải thích phong trào Tái Lâm trong quá khứ và cho thấy lập trường hiện tại của chúng ta là gì, củng cố đức tin của những người còn hoài nghi,

và đem lại sự chắc chắn cho tương lai vinh hiển. Những điều này, tôi đã thường thấy, là những đề tài chủ yếu mà các sứ giả nên tập trung giảng giải." Early Writings, 63.

Chúng ta vừa xem lại cả bốn lẽ thật này: đền thánh, 2300 ngày, các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin của Chúa Giê-su. Chúng ta đã đặt cả bốn lẽ thật này vào khuôn khổ của lẽ thật vốn đã được “tính toán một cách hoàn hảo để giải thích phong trào Phục Lâm trong quá khứ và cho thấy lập trường hiện tại của chúng ta là gì.” Khuôn khổ đó là “nguyên tắc đề cập lần đầu”; đó là dấu ấn của Alpha và Omega; và đó là khuôn khổ của lẽ thật, vì từ “lẽ thật” mang cùng dấu ấn ấy như cả bốn lẽ thật được xác định là “lẽ thật hiện tại”, vốn nhằm giải thích sự khởi đầu của phong trào Phục Lâm.

Nếu không vì điều gì khác, thì điều này có nghĩa là từ được dịch là “sự thật” mà chúng ta đang xem xét chính là khung sườn của Tin Lành đời đời, và nó là khung sườn cho sứ điệp cảnh báo cuối cùng, và nó là khung sườn của sứ điệp của thiên sứ thứ ba, và nó là một phần lớn của Sách Khải Huyền của Đức Chúa Giê-su Christ.

Sứ điệp cảnh báo cuối cùng, được trình bày như là Sự mạc khải của Đức Chúa Jêsus Christ trong ba câu đầu của chương một sách Khải Huyền, được làm chứng lần thứ hai ở cuối sách Khải Huyền. Phần kết của Khải Huyền làm chứng về những câu đầu của Cựu Ước và cũng về những câu cuối của Cựu Ước. Với bốn chỗ tham chiếu ấy, có thể suy ra—khi áp dụng quy tắc thiêng liêng đặt dòng tiên tri chồng lên dòng tiên tri—rằng sứ điệp cảnh báo cuối cùng liên quan đến mối quan hệ của Đấng Tạo Hóa với các loài thọ tạo của Ngài. Nó liên quan đến quyền năng sáng tạo của Ngài. Nó liên quan đến cách quyền năng sáng tạo ấy được truyền đạt cho Hội Thánh của Ngài. Nó liên quan đến thuộc tính của Thần Tính đồng nhất phần cuối với phần khởi đầu. Đó là một sứ điệp đến ngay trước khi cửa ân điển khép lại, và hơn thế nữa. Khi xem xét chung lại, đó là về quyền năng sáng tạo của Đức Chúa Trời! Và sự đề cập đầu tiên về quyền năng sáng tạo của Ngài nằm ở phần mở đầu Sáng-thế Ký chương một, từ câu thứ nhất cho đến chương hai câu ba.

Ban đầu, Đức Chúa Trời tạo dựng trời và đất. Đất khi ấy vô hình và trống rỗng; bóng tối bao phủ mặt vực sâu. Và Thần của Đức Chúa Trời chuyển động trên mặt nước.

Đức Chúa Trời phán: Hãy có ánh sáng; và liền có ánh sáng. Đức Chúa Trời thấy ánh sáng là tốt, và Ngài phân rẽ ánh sáng khỏi bóng tối. Đức Chúa Trời gọi ánh sáng là Ngày, và Ngài gọi bóng tối là Đêm. Rồi có buổi chiều và buổi sáng: ấy là ngày thứ nhất.

Đức Chúa Trời phán: Hãy có một vòm trời ở giữa nước, để phân rẽ nước khỏi nước. Đức Chúa Trời làm nên vòm trời, và phân rẽ nước ở dưới vòm trời khỏi nước ở trên vòm trời; và điều đó là như vậy. Đức Chúa Trời gọi vòm ấy là Trời. Vậy có buổi chiều và buổi mai; ấy là ngày thứ hai.

Đức Chúa Trời phán: “Nước dưới trời hãy tụ lại một chỗ, và đất khô hãy hiện ra.” Và liền như vậy. Đức Chúa Trời gọi đất khô là Đất; chỗ nước tụ lại thì Ngài gọi là Biển; và Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành. Đức Chúa Trời lại phán: “Đất hãy sinh ra cỏ, các thứ thảo mộc kết hạt, và cây ăn trái sinh trái theo từng loại mình, hạt giống ở trong chính nó, trên đất.” Và liền như vậy. Đất liền sinh ra cỏ, các thứ thảo mộc kết hạt theo từng loại, và các cây sinh trái, hạt giống ở trong chính nó, theo từng loại; và Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành. Vậy có buổi chiều và buổi mai; ấy là ngày thứ ba.

Đức Chúa Trời phán: Hãy có những vầng sáng trong vòm trời để phân rẽ ngày với đêm; và để chúng làm dấu hiệu, định các mùa, các ngày và các năm. Chúng cũng là những vầng sáng trong vòm trời để soi sáng mặt đất. Và liền có như vậy. Đức Chúa Trời làm ra hai vầng sáng lớn: vầng sáng lớn hơn để cai trị ban ngày, và vầng sáng nhỏ hơn để cai trị ban đêm; Ngài cũng làm các ngôi sao. Đức Chúa Trời đặt chúng trong vòm trời để soi sáng mặt đất, để cai trị ban ngày và ban đêm, và để phân rẽ ánh sáng khỏi bóng tối; và Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành. Vậy có buổi tối và buổi sáng: ấy là ngày thứ tư.

Đức Chúa Trời phán: Nước hãy sinh sôi dồi dào các sinh vật chuyển động có sự sống, và loài chim bay trên mặt đất trong khoảng không của bầu trời. Đức Chúa Trời tạo nên những con cá voi lớn, cùng mọi sinh vật sống động chuyển động mà nước sinh ra dồi dào, theo từng loài của chúng, và mọi loài chim có cánh theo từng loài; và Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành. Đức Chúa Trời ban phước cho chúng, phán rằng: Hãy sinh sôi, nảy nở, làm đầy nước trong các biển, và loài chim hãy sinh sản nhiều trên đất. Vậy có buổi chiều và buổi sáng; ấy là ngày thứ năm.

Và Đức Chúa Trời phán: Đất hãy sinh ra các sinh vật sống theo từng loại: gia súc, loài bò trườn, và thú trên đất theo từng loại; và liền có như vậy. Đức Chúa Trời làm nên thú trên đất theo từng loại của chúng, gia súc theo từng loại của chúng, và mọi vật bò trườn trên đất theo từng loại của chúng; và Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành. Đức Chúa Trời phán: Chúng ta hãy làm nên loài người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta; để họ làm chủ cá biển, chim trời, gia súc, trên khắp mặt đất, và mọi loài bò trườn trên mặt đất. Vậy Đức Chúa Trời tạo dựng con người theo hình ảnh của chính Ngài; theo hình ảnh Đức Chúa Trời, Ngài dựng nên người; Ngài dựng nên họ là nam và nữ. Đức Chúa Trời ban phước cho họ, và phán với họ: Hãy sinh sôi nảy nở, làm đầy đất và chế ngự nó; hãy làm chủ cá biển, chim trời, và mọi sinh vật sống động di chuyển trên mặt đất. Đức Chúa Trời lại phán: Kìa, Ta đã ban cho các người mọi cây cỏ mang hạt trên khắp mặt đất, và mọi cây có trái kết hạt; ấy sẽ là lương thực cho các người. Còn cho mọi thú trên đất, mọi chim trời, và mọi vật bò trườn trên đất, tức mọi vật có sự sống trong chúng, Ta cũng ban mọi thứ cỏ xanh làm thức ăn; và liền có như vậy. Đức Chúa Trời thấy mọi điều Ngài đã làm, và kìa, rất tốt lành. Vậy có buổi chiều và buổi mai: ấy là ngày thứ sáu. Thế là các tầng trời và đất cùng muôn vật trong đó đều đã hoàn tất. Ngày thứ bảy, Đức Chúa Trời kết thúc công việc Ngài đã làm; và Ngài nghỉ ngày thứ bảy khỏi mọi công việc Ngài đã làm. Đức Chúa Trời ban phước cho ngày thứ bảy và thánh hóa ngày ấy, vì trong ngày đó Ngài đã nghỉ khỏi mọi công việc mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng và làm. Sáng-thể Ký 1:1-2:3.

Những câu trước đó trình bày toàn bộ lời chứng về sự sáng tạo, nhấn mạnh rằng lời của Thiên Chúa có quyền năng sáng tạo.

Khắp đất hãy kính sợ Chúa; mọi dân cư của thế gian hãy kính sợ Ngài. Vì Ngài phán thì thành; Ngài truyền thì đứng vững. Thi Thiên 33:8, 9.

Đức Kitô dùng chính quyền năng sáng tạo đã dựng nên thế giới để biến đổi con người.

Năng lực sáng tạo đã gọi muôn thế giới vào hiện hữu ở trong lời của Đức Chúa Trời. Lời ấy ban quyền năng; lời ấy sinh ra sự sống. Mỗi mệnh lệnh là một lời hứa; khi được ý chí chấp nhận và được tiếp nhận vào linh hồn, nó đem theo sự sống của Đấng Vô Hạn. Nó biến đổi bản

tính và tái tạo linh hồn theo hình ảnh của Đức Chúa Trời.

Sự sống được ban như thế cũng được duy trì theo cách ấy. “Nhờ mọi lời phán ra từ miệng Đức Chúa Trời” (Ma-thi-ơ 4:4), con người sẽ sống. Giáo dục, 126.

Khải Huyền của Đức Chúa Giê-xu Christ nhấn mạnh cách Lời Đức Chúa Trời được truyền đạt cho loài người. Lời ấy đến từ Đức Chúa Cha, đến Đức Chúa Con, đến một thiên sứ, đến một tiên tri, người chép lại và gửi cho các hội thánh. Quy trình truyền đạt được trình bày ở phần đầu và phần cuối của sách Khải Huyền cũng được minh họa bằng cái thang của Gia-cốp, với các thiên sứ đi lên và đi xuống trên thang ấy. Nó cũng được minh họa bằng hai ống dẫn bằng vàng của Xa-cha-ri đưa dầu vào đèn thánh. Quy trình truyền đạt giữa Đức Chúa Trời và con người là một chủ đề của các lời tiên tri trong Kinh Thánh, và sứ điệp được sai ra chứa đựng quyền năng sáng tạo đã dựng nên vũ trụ. Trong quy trình truyền đạt ở chương một của Khải Huyền, cần hiểu rằng sứ điệp được truyền lại cho các hội thánh chứa đựng quyền năng để biến đổi một người La-ô-đi-xê thành một người Phi-la-đen-phi.

Dù chúng ta xét phần khởi đầu hay phần kết thúc của Cựu Ước hay Tân Ước, đó vẫn là cùng một thông điệp. Đức Chúa Trời đang truyền đạt thông điệp cảnh báo cuối cùng, và nó chứa đựng quyền năng sáng tạo của Ngài nếu được những người nghe giữ lấy. Thông điệp thực hiện điều này được đặt trong khuôn khổ thiêng liêng của Alpha và Omega: đầu, giữa và cuối. Ba chữ cái tiếng Hê-bơ-rơ kết hợp để tạo nên từ “chân lý” chính là Tin Lành đời đời, và các chữ cái ấy cùng ý nghĩa của chúng, cũng như từ mà chúng tạo ra khi được kết hợp với nhau, tượng trưng cho nguyên tắc ấy và cũng cho Đấng là Alpha và Omega. Điều ấy nhấn mạnh quyền năng sáng tạo của Ngài. Ba từ cuối của câu chuyện Sáng tạo, mỗi từ đều bắt đầu bằng ba chữ cái ấy, theo thứ tự cấu thành từ “chân lý”.

Ba từ kết thúc câu chuyện sáng thế bắt đầu bằng ba chữ cái mà ghép lại thành từ "sự thật". Ba từ cuối của câu đó bắt đầu bằng các chữ cái א (Aleph), מ (Mem) và נ (Tav) theo thứ tự. Ba từ ấy được dịch là "Đức Chúa Trời", "tạo dựng" và "làm". Việc ba từ này lần lượt mở đầu bằng các chữ cái א (Aleph), מ (Mem) và נ (Tav) càng nhấn mạnh tính trọn vẹn và trật tự của tường thuật về công cuộc sáng tạo. Mẫu này đã được các nhà chú giải Do Thái ghi nhận như một đặc điểm ngôn ngữ thú vị của văn bản tiếng Do Thái.

Câu chuyện sáng tạo mở đầu bằng cụm từ "ban đầu" và kết thúc bằng ba từ đại diện cho Alpha và Omega, khởi đầu và kết thúc, đầu tiên và sau cùng. Quyền năng sáng tạo được minh họa trong lời chứng của sách Sáng Thế bắt đầu và kết thúc bằng dấu ấn của nhà ngôn ngữ học phi thường.

Điều nhà tiên tri Gioan nhấn mạnh là khởi đầu của một sự việc minh họa cho kết cuộc của nó, bởi khi ông viết về những gì lúc bấy giờ đang là, ông đồng thời cũng viết về những gì sẽ đến.

Thông điệp cảnh báo cuối cùng của Ê-li được trình bày ở phần cuối Cựu Ước chỉ ra cùng một nguyên tắc tiên tri, trong bối cảnh cuộc khủng hoảng luật ngày Chủ nhật và bảy tai vạ sau rốt đang đến gần.

"Quy tắc lần nhắc đến đầu tiên" và tất cả những gì nó đại diện chính là "khuôn khổ" mà "chân lý hiện tại" cần được đặt trong đó. Khuôn khổ ấy là "quy tắc lần nhắc đến đầu tiên", đồng thời cũng là

một trong những thuộc tính của Thượng Đế.

Trong sách Đa-ni-ên đại diện cho khởi đầu của phong trào Phục Lâm và sách Khải Huyền đại diện cho sự kết thúc của phong trào Phục Lâm, chúng ta tìm thấy những sự tương đồng đáng kinh ngạc khi nhìn theo nguyên tắc cái đầu tiên minh họa cái sau cùng. Sách Đa-ni-ên nêu lên một thuộc tính của Chúa Giê-su khi dùng danh xưng Palmoni, nghĩa là “Đáng kỳ diệu, Đáng định số các điều bí ẩn.” Đa-ni-ên cũng giới thiệu Chúa Giê-su như Mi-ca-ên, tổng lãnh thiên sứ. Giăng cũng được dùng để làm điều tương tự như Đa-ni-ên; và ông không giới thiệu Ngài như bậc thầy của toán học hay là lãnh đạo các thiên sứ, mà là bậc thầy của ngôn ngữ. Khi chúng ta xem Chúa Giê-su là bậc thầy của bảng chữ cái, chúng ta nên suy xét Thi Thiên 119, chương dài nhất trong Kinh Thánh.

Thi Thiên 119 là một bài thơ chữ đầu theo bảng chữ cái, nghĩa là chữ cái đầu của mỗi nhóm tám câu đều là cùng một chữ cái. Bảng chữ cái tiếng Hê-bơ-rơ có hai mươi hai chữ cái, nên có hai mươi hai phần, mỗi phần gồm tám câu. Mỗi phần bắt đầu bằng một chữ cái theo thứ tự bảng chữ cái, và sau đó mỗi câu trong tám câu ứng với chữ cái ấy đều bắt đầu bằng chữ đó. Có tám câu cho mỗi chữ cái; như vậy, tám câu nhân với hai mươi hai chữ cái của bảng chữ cái Hê-bơ-rơ bằng một trăm bảy mươi sáu câu. Bài Thi Thiên này nhấn mạnh sự vâng phục đối với một Đức Chúa Trời, Đáng là Đức Chúa Trời của trật tự (vì thế mới có cấu trúc thơ chữ đầu), chứ không phải của hỗn loạn.

Một chủ đề nổi bật khác trong Thi Thiên 119 là chân lý sâu sắc rằng Lời của Đức Chúa Trời là hoàn toàn đầy đủ. Xuyên suốt Thi Thiên này có tám thuật ngữ khác nhau dùng để chỉ Lời của Đức Chúa Trời: luật pháp, lời chứng, huấn lệnh, lệ luật, điều răn, phán quyết, lời, và quy định. Hầu như trong mọi câu, Lời của Đức Chúa Trời đều được nhắc đến. Thi Thiên 119 khẳng định không chỉ bản chất của Kinh Thánh, mà còn khẳng định rằng Lời của Đức Chúa Trời phản chiếu chính bản tính của Đức Chúa Trời. Hãy lưu ý những thuộc tính của Đức Chúa Trời được nêu ra trong Thi Thiên 119:

1. Sự công chính (các câu 7, 62, 75, 106, 123, 138, 144, 160, 164, 172)
2. Tính đáng tin cậy (câu 42)
3. Sự trung thực (các câu 43, 142, 151, 160)
4. Lòng trung tín (câu 86)
5. Sự bất biến (câu 89)
6. Tính vĩnh hằng (câu 90, 152)
7. Ánh sáng (câu 105)
8. Thanh khiết (câu 140)

Thánh vịnh mở đầu với hai lời phúc lành. “Phước cho” những người có đường lối trọn vẹn, sống theo luật pháp của Đức Chúa Trời, giữ các điều lệ của Ngài và tìm kiếm Ngài hết lòng. Đây là những bài học cho chúng ta trong Thánh vịnh vĩ đại này. Lời Đức Chúa Trời là đủ để khiến chúng ta trở nên khôn ngoan, rèn luyện chúng ta trong sự công chính, và trang bị chúng ta cho mọi việc lành (2 Ti-mô-thê 3:15-17).

Tất nhiên, Thi Thiên 119 là một phần của một chủ đề hầu như vẫn chưa ngã ngũ trong giới tôn giáo. Chủ đề này liên quan đến việc câu nào là câu ở giữa Kinh Thánh và chương nào là chương ở giữa Kinh Thánh. Nếu bạn tìm trên internet, bạn sẽ thấy nhiều lập luận xoay quanh việc bạn dùng bản Kinh Thánh nào, v.v. Vấn đề của mọi lập trường trong cuộc tranh luận là định nghĩa về “phần giữa” của Kinh Thánh, cho dù là một câu hay một chương, lẽ ra phải do chính tác giả của Kinh Thánh xác định, chứ không phải do người học hay nhà phê bình Kinh Thánh.

Kinh Thánh dạy rằng mọi sự đều có khởi đầu và kết thúc. Mọi sự đều có thời kỳ.

Mọi sự đều có kỳ, và mọi mục đích dưới trời đều có lúc: Lúc sinh ra, và lúc chết; lúc trồng, và lúc nhổ những gì đã trồng. Truyền Đạo 3:1, 2.

Có lúc để sinh ra và có lúc để chết, nhưng còn có cả cuộc sống diễn ra ở giữa sự khởi đầu và kết thúc của đời ta. Sự chào đời chỉ là một khoảnh khắc ngắn ngủi, cái chết cũng vậy. Cuộc sống là phần ở giữa, và nhìn chung nó gắn với nhiều câu chuyện hơn nhiều so với thời khắc ta chào đời và thời khắc ta qua đời.

Phần giữa trong quy tắc "lần nhắc đến đầu tiên" thường có nhiều chứng cứ hơn phần đầu và phần cuối. Việc tìm một câu hay một chương đơn lẻ trong Kinh Thánh rồi coi đó là phần giữa là bỏ qua các chứng cứ Kinh Thánh, dù phần đầu và phần cuối về bản chất là những điểm thời gian; phần giữa thường là một khoảng thời gian. Dĩ nhiên, phần đầu, phần giữa và phần cuối sẽ nhất quán với nhau, dù thường thì mốc dấu giống hệt ở phần cuối lại đối nghịch với phần đầu.

Chúa Giê-su xác định Giăng Báp-tít chính là Ê-li, và cả hai minh họa cùng một trình tự sự kiện mang tính tiên tri; tuy nhiên, Ê-li bị một người đàn bà gian ác (Giê-sa-bên) bách hại, bà ta tìm cách giam cầm và giết ông, nhưng rốt cuộc không làm được. Còn Giăng, người tượng trưng cho Ê-li, thì bị một người đàn bà độc ác (Hê-rô-đi-a) tìm cách giam cầm và giết, và bà ta đã làm được. Ê-li và Giăng là những biểu tượng có thể hoán đổi cho nhau, nhưng họ có một số đặc điểm tiên tri trái ngược, tuy vẫn song song tương ứng. Ê-li không chết; Giăng thì có. Hiểu rằng những mốc dấu tiên tri tương ứng với nhau thường lại đối nghịch sẽ giúp những ai muốn nhận ra rằng chính giữa Kinh Thánh là Thi Thiên 118.

Khi chúng ta áp dụng nguyên tắc “lần nhắc đến đầu tiên” như đã định nghĩa, chúng ta thấy phần mở đầu của phần giữa Kinh Thánh là Thi Thiên 117, chương ngắn nhất trong Kinh Thánh, gồm hai câu. Kế đó là chương 118, là phần giữa của Kinh Thánh, và sau chương 118 là chương 119, chương dài nhất trong Kinh Thánh và là phần kết của phần giữa Kinh Thánh. Nhà ngôn ngữ tuyệt diệu đánh dấu phần mở đầu bằng chương ngắn nhất, rồi đánh dấu phần kết bằng chương dài nhất. Đó là hai chương đối nghịch nhau. Phần mở đầu là hạt giống, còn phần kết là nơi cây được phát triển đến độ trưởng thành hoàn toàn, nơi mọi lời chứng nằm trong phần giữa đều được kết nối lại. Hãy chú ý đến Thi Thiên 117.

Hỡi muôn dân, hãy ngợi khen Chúa; hết thảy mọi dân tộc, hãy ca tụng Ngài. Vì lòng nhân từ của Ngài đối với chúng ta thật lớn, và sự chân thật của Chúa bền vững đến đời đời. Hãy ngợi khen Chúa. Thi Thiên 117:1, 2.

Từ mà chúng ta đang xét, gồm ba chữ cái, được dịch là “lẽ thật” ở câu hai, và tượng trưng cho sự khởi đầu của phần giữa Kinh Thánh (phần giữa Kinh Thánh là Thi Thiên 117–119). Phần cuối của phần giữa là Thi Thiên 119. Thi Thiên 118 là trung tâm của phần giữa. Thi Thiên 118 nằm kẹp giữa chương ngắn nhất và chương dài nhất trong Kinh Thánh, và chương ngắn nhất, tức phần mở đầu, nêu lên từ “lẽ thật” được cấu thành từ ba chữ cái tượng trưng cho ba bước của Tin Lành đời đời, và là khung sườn để hiểu lẽ thật. Khung sườn ấy là nguyên tắc đại diện cho bản tính của Đấng Christ là Alpha và Omega.

Kết thúc của phần giữa, tức chương 119, là một bài thơ chữ đầu theo thứ tự bảng chữ cái, được đặt ở giữa Kinh Thánh, nhấn mạnh nhà ngôn ngữ học tuyệt vời. Bốn lần trong chương 119, cùng một từ được dịch là sự thật.

Và chớ cất hẳn lời chân thật khỏi miệng tôi; vì tôi đã trông cậy nơi các phán quyết của ngươi.
Câu 43.

Sự công chính của Ngài là sự công chính đời đời, và luật pháp của Ngài là lẽ thật. Câu 142.

Lạy Chúa, Ngài ở gần; và mọi điều răn của Ngài đều là chân thật. Câu 151.

Lời của Ngài là chân thật từ ban đầu; mọi phán quyết công bình của Ngài còn mãi đến đời đời.
Câu 160.

Sự thật trong những câu này là một quy tắc của lời tiên tri Kinh Thánh, cho biết phần cuối ngay từ ban đầu, và sự thật trong các câu ấy là rằng Đấng Alpha và Omega đã đặt dấu ấn của Ngài lên phần giữa của Kinh Thánh, như Ngài đã làm cho phần đầu và phần cuối. Dấu ấn của Đấng thứ nhất và Đấng cuối cùng là "khung" để trình bày thông điệp cảnh báo sau cùng của thiên sứ thứ ba. Phần cuối của phần giữa bao gồm bốn câu có dùng từ được dịch là "truth", dù lần nhắc thứ tư được dịch đơn giản là "true". Câu cuối trong bốn câu ấy xác định rằng "từ ban đầu", từ ngữ ấy là "true".

Trong phần mở đầu của câu chuyện tạo dựng trong Sáng thế ký chương 1 và 2, từ "truth" tuy không được viết trực tiếp vẫn được thể hiện trong ba từ cuối của câu chuyện tạo dựng, vì mỗi từ bắt đầu bằng các chữ cái, theo thứ tự, tạo thành từ "truth". Ban đầu đã có Lời, và bởi Ngài muôn vật được dựng nên, và lời chứng về sự tạo dựng trong Sáng thế ký mở đầu bằng cụm từ "Ban đầu" và kết thúc bằng ba từ đại diện cho những chân lý gắn với một thuộc tính của Đấng Christ mà trong sách Ê-sai được định nghĩa là bằng chứng rằng Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất.

Phần giữa của Kinh Thánh (Thi Thiên 117–119) mở đầu ở chương 117 bằng cách nhắc đến chân lý rằng khởi đầu đại diện cho kết thúc, thông qua việc dùng từ “lẽ thật”. Từ ấy được tạo thành bởi ba chữ cái, đại diện cho Phúc Âm đời đời và sứ điệp của ba thiên sứ, và xác định phần kết của câu chuyện Sáng tạo. Phần kết của phần giữa Kinh Thánh là một sự trình bày về bảng chữ cái do Đấng bậc thầy về ngôn ngữ tạo ra, nhằm xác lập sự hiểu biết rằng điều hiện đang được bày tỏ về bản tính của Ngài phù hợp với định nghĩa của từ “khải thị”, vì Khải Huyền của Đức Chúa Giê-su Christ là một thông điệp được thiết kế để trình bày một khía cạnh trong bản tính của Đấng Christ mà từ trước đến nay hầu như chưa từng được nhận biết trọn vẹn, nếu có chăng. Sự Khải thị ấy nhất quán với các dòng lịch sử giao ước, vì lịch sử giao ước bao gồm những bằng chứng về nỗ lực của Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài qua các danh xưng khi lịch sử của Ngài dần mở ra.

Những nguyên tắc lớn của luật pháp, của chính bản tính Đức Chúa Trời, được thể hiện trong những lời của Đấng Christ trên núi. Ai xây dựng trên những điều ấy là đang xây dựng trên Đấng Christ, Vàng Đá muôn đời. Khi tiếp nhận Lời, chúng ta tiếp nhận Đấng Christ. Và chỉ những ai tiếp nhận Lời Ngài như thế mới xây dựng trên chính Ngài. “Không ai có thể đặt một nền tảng nào khác ngoài nền đã được đặt, đó là Đức Chúa Jêsus Christ.” 1 Cô-rinh-tô 3:11. “Dưới trời chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu.” Công vụ 4:12. Đấng Christ, Lời, sự mặc khải về Đức Chúa Trời — sự bày tỏ về phẩm tính của Ngài, luật pháp của Ngài, tình yêu của Ngài, sự sống của Ngài — là nền tảng duy nhất trên đó chúng ta có thể xây dựng một nhân cách sẽ bền vững. Núi Phước Lành, 148.

Dĩ nhiên còn nhiều điều cần bàn thêm liên quan đến sự thật này, nhưng chúng ta sẽ tạm dừng tại đây.